

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 01 - 2025

Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Bằng.

2. Bà Nguyễn Thị Út.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Biễn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị L; Sinh ngày 26/10/1987;

Nơi ĐKKHKT: Xóm PG, xã HV, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ở hiện tại: Thôn TX, xã YT, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Phan Văn T; Sinh ngày 29/8/1986;

Địa chỉ: Xóm CP, xã NH, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày: Chị và anh Phan Văn T kết hôn vào ngày 24/11/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL (Nay là xã HV), huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân do tự nguyện, sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng tháng 8 năm 2020 chị và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh T có mối quan hệ ngoài luồng, hai vợ chồng đã ly thân từ ngày tháng 02 năm 2021 đến nay. Nay chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh T. Trong thời gian chung sống, chị và anh T có con một con chung tên là Phan Hoàng Trường G, sinh ngày 03/02/2012. Hiện tại con chung đang sống

chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn đến đủ tuổi trưởng thành. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hòa An đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/11/2024 ở địa phương anh T thường trú thì gia đình anh T cho biết, hiện nay anh T không có mặt tại nơi cư trú. Theo thông tin gia đình của anh T cung cấp thì hiện tại anh T đi làm thuê và sinh sống tại tỉnh Hải Dương nhưng không biết địa chỉ cụ thể, khoảng 04 năm nay không thấy anh T về nhà lần nào. Khi Tòa án gửi các giấy tờ, thông báo đến thì gia đình có báo lại cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án giải quyết thì gia đình không rõ là vì lý do gì. Sau khi kết hôn thì anh T và chị L chủ yếu sinh sống bên nhà của chị L nên việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra như thế nào thì gia đình không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung, tuy nhiên chị L có ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị L kết hôn với anh Phan Văn T, địa chỉ: Xóm CP, xã NH, Hòa An, Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL (Nay là xã HV, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn với anh T, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không có lý do và anh T không có yêu cầu phản tố nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Phan Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã BL (Nay là xã HV), huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên, chị L cho rằng sau một thời gian chung sống thì chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh T ngoại tình, đã không sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2021 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh T.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị L, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, không có ý kiến, phía gia đình anh T xác nhận anh T đi làm thuê khoảng 04 năm nay không thấy về nhà lần nào. Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L có đơn yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có một con chung tên là Phan Hoàng Trường G, sinh ngày 03/02/2012. Hiện tại con chung đang sống chung với chị L ở xóm PG, xã HV, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, khi ly hôn chị L yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn để đủ tuổi trưởng thành. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Phan Hoàng Trường Giang đã từ đủ 07 tuổi trở lên và ý kiến của cháu là muốn ở với mẹ và trong quá trình giải quyết vụ án thì anh T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án nên anh T đã từ bỏ quyền yêu cầu trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Do vậy yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn của chị L được chấp nhận. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị L đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Do chị L và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao các con chung là Phan Hoàng Trường G, sinh ngày 03/02/2012 cho chị Hoàng Thị L là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết chị L, anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001432 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HV, Hòa An;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải